

## Các lệnh căn bản trong ngôn ngữ html

Mình xin mạn phép giới thiệu với các bạn các lệnh căn bản trong ngôn ngữ html :  
1 trang web viết bằng ngôn ngữ HTML bắt đầu bằng <html> và kết thúc bằng </html>  
Phần nội dung của trang Web nằm trong phần <body> .... </body> .

### I) Tạo liên kết

-Tiêu đề(Title) cho trang web :

```
<HEAD>  
<TITLE>Title cho trang</TITLE>  
</HEAD>
```

-Liên kết thông qua text :

```
<A HREF="URL">Text hiển thị liên kết</A>
```

-Liên kết đến các section trong trang hiện thời :

Tạo ra section:

```
<P>  
<A HREF="Section">Text miêu tả section.</A>  
</P>
```

-Text liên kết đến section:

```
<A NAME="Tên-section">Text để liên kết tới setion</A>
```

-Liên kết thông qua picture:

```
<A HREF="URL">  
<IMG SRC="tên file hình ảnh"></A>
```

-Tạo liên kết gốc :

```
<BASE HREF="http://www.abc.com">
```

### II) Các lệnh với chữ :

-Chữ đậm : <B>Các chữ cần viết đậm</B>

-Chữ nghiêng : <I>Các chữ cần viết nghiêng</I>

-Chữ gạch chân:<U>Các chữ cần gạch chân</U>

-Tạo đoạn : <P> Các chữ trong đoạn</P>

-Viết theo lề:<P ALIGN=Right>Các chữ trong đoạn văn</P>

-Xuống dòng : <BR>Chữ cần viết trong dòng mới

-Chữ ngăn cách bởi gạch ngang : <HR>Các chữ ngăn cách với dòng trên bởi gạch ngang

-Định kích cỡ và độ dài dòng gạch ngang : <HR size=5 with=50%>Text

-Tạo heading: <H#> dòng tiêu đề </H#> trong đó # có giá trị nhỏ dần 1 đến 6

-Tạo chú thích: <!--Đoạn văn cần chú thích-->

-Tạo pre-formated: <PRE>Đoạn văn ở chế độ pre-formated</PRE-FORMATED>

- <strike>Chữ bị gạch ngang</strike>

### III) Tạo vùng hình ảnh

Tạo image-map (vùng hình ảnh) : 

Đặt tên cho vùng <MAP NAME="tên vùng">

Xác định tọa độ cho vùng và hình dạng : <AREA COORDS="x,y,z,t" SHARP="RECT" HREF="URL">

với x,y,z,t là các số nguyên chỉ tọa độ ;

SHARP có thể có các dạng như "RECT", "POLY", "Circle"

HREF="URL" có nhiệm vụ tạo liên kết đến URL khi ta ấn vào vùng chọn

### IV) Làm việc với trang:

-Tạo màu nền: <body bgcolor="rrggbb">

với rr,gg,bb là các số tương ứng với tỉ lệ màu đỏ , xanh lá cây , xanh dương

-Lấy ảnh làm nền : khai báo trong phần body : background="tên hình ảnh nền"

### V) Tạo table:

-Tạo table: <TABLE>Nội dung của bảng </TABLE>

-Tạo cột : <TR> Nội dung của cột </TR>

-Thêm nội dung cột : <TD> Nội dung </TD>

-Tạo heading : <TH> heading </TH>

-Kích thước lề:<TABLE BORDER="Number">....</TABLE>

-Độ rộng cột: <TABLE WIDTH="Number">....</TABLE>

-Tạo tiêu đề: <CAPTION> tiêu đề </CAPTION>

-Căn giá trị :<TABLE Align="Kiểu">....</TABLE> trong đó có 3 kiểu:

LEFT,RIGHT,CENTER

### VI) Tạo form:

(Form chứa thông tin để gửi tới server )

-Tạo form:

<FORM ACTION="\_URL\_" METHOD="METHOD"> </FORM>

Trong đó ACTION="\_URL\_" chỉ ra server cần gửi thông tin đến

METHOD="METHOD" chỉ ra phương thức gửi POST hoặc GET

+POST là gửi từng phần

+GET là gửi toàn bộ

-Chọn kiểu dữ liệu cho form:

<FORM ACTION="\_URL\_" METHOD="METHOD">

<INPUT NAME="name" TYPE="type">

</FORM>

-Kiểu dữ liệu là TEXT:

<FORM ACTION="\_URL\_" METHOD="METHOD">

name:<INPUT NAME="name" TYPE="TEXT" SIZE="size"

MAXLENGTH="number">

</FORM>

Trong đó : SIZE là kích thước text , maxlength là độ dài tối đa của chuỗi kí tự  
name là tên của form

-Nhập form text dạng password:

password:<INPUT TYPE="PASSWORD" NAME="PASS" SIZE="size">

-Nhập form text dạng ẩn:

hidden:<INPUT TYPE="HIDDEN" NAME="HIDDEN" SIZE="size">

-Tạo nút chọn kiểu YES-NO(tạo ra 2 ô để ta đánh dấu lựa chọn):

<P>Tiêu đề chọn lựa</P>

<P>

<INPUT TYPE="RADIO" NAME="RADIOBUTTON" VALUE="RADIOBUTTON">  
YES</P>

<P>

<INPUT TYPE="RADIO" NAME="RADIOBUTTON" VALUE="RADIOBUTTON">  
NO</P>

</P>

-Tạo check box(có thể chọn nhiều mục bằng cách đánh dấu) :

Ví dụ dưới đây sẽ tạo ra 1 form lựa chọn các kiểu computer mà bạn thích, có thể chọn hơn 1 kiểu:

<P>Type of Computer</P>

<P>

<INPUT TYPE="CHECKBOX" NAME="CHECKBOX" VALUE="CHECKBOX">  
PENTIUMII</P>

<P>

<INPUT TYPE="CHECKBOX" NAME="CHECKBOX2" VALUE="CHECKBOX">  
PENTIUMIII</P>

<P>

<INPUT TYPE="CHECKBOX" NAME="CHECKBOX3" VALUE="CHECKBOX">  
PENTIUMIV</P>

-Tạo reset form :

Form này có nhiệm vụ xoá các lựa chọn trong check box , đưa check box trở về trạng thái ban đầu:

Đặt form này ngay đằng sau của check box:

<P>

<INPUT TYPE="RESET" NAME="RESET" VALUE="RESET">

</P>

-Gửi thông tin trong form tới server:

Đặt form này ngay đằng sau của check box:

<P>

<INPUT TYPE="SUBMIT" NAME="SUBMIT" VALUE="SUBMIT">

</P>

-Tạo pop-up menus:

pop-up menus là form có dạng hộp check , khi ta ấn vào hộp thì các mục trong hộp sẽ hiện ra

Dưới đây sẽ tạo ra pop-up cho 1 form lựa chọn kiểu thanh toán cho khách hàng

```
<P ALIGN="CENTER">Kiểu thanh toán  
<SELECT NAME="Seclect">  
<OPTION VALUE="C1">Cash</OPTION>  
<OPTION VALUE="C2">Cheque</OPTION>  
<OPTION VALUE="C3">Creditcard</OPTION>  
</SELECT>  
</P>
```

-Tạo list box:

List box cũng giống như text box nhưng chỉ khác ở cách trình bày , nó hiện ra 1 danh sách lựa chọn

Dưới đây sẽ tạo ra 1 danh sách các hệ điều hành cho khách hàng lựa chọn , khách hàng có thể lựa chọn

nhiều hơn 1 hệ điều hành :

```
<P ALIGN="CENTER">Các hệ điều hành  
<SELECT NAME="Seclect2" SIZE="5">  
<OPTION <WIN 98</OPTION>  
<OPTION <WINNT</OPTION>  
<OPTION <WINXP</OPTION>  
<OPTION <LINUX REDHAT</OPTION>  
</SELECT>  
</P>
```

## **VI)Tạo frames:**

Người ta có thể chia trang web ra làm nhiều frame , mỗi frame gần giống như 1 trang web độc lập với nhau ,

tức 1 frame có thể load nội dung mới mà không ảnh hưởng tới các frame còn lại . Bạn có thể thấy ví dụ về

trang web có chia frame như ở website [www.ktlehoan.com](http://www.ktlehoan.com) .

-Tạo frame:

Đặt các lệnh sau trong phần <body>....</body>

```
<FRAMESET> </FRAMSET>
```

-Tạo frame theo cột:

```
<FRAMESET COLS="200,*"> </FRAMSET>
```

Chuỗi lệnh trên tạo ra 2 frame nằm dọc ngăn cách nhau bởi cột 200(tính theo pixe)

Cú pháp lệnh là COLS="number,\*"

-Tạo frame theo hàng:

<FRAMESET ROWS="100,\*"> </FRAMSET>

Chuỗi lệnh trên tạo ra 2 frame nằm ngang ngăn cách nhau bởi hàng 100

Cú pháp lệnh là ROWS="number,\*"

-Làm frame mở ra trang web mới :

<FRAMESET ROWS="100,\*">

<frame src="http://www.abc.com/page1.htm">

<frame src="http://www.def.com/page2.htm">

</FRAMSET>

Chuỗi lệnh này tạo ra 2 frame nằm ngang phân nhau tại hàng 100 , frame thứ nhất có nội dung là trang

<http://www.abc.com/page1.htm> , frame thứ 2 có nội dung là trang

<http://www.def.com/page2.htm> .

-Đặt kích thước cho margin(viền) của frame:

Với viền trái hay phải(dùng cho các frame nằm dọc ) : MARGINWIDTH="number"

Với viền trên hay dưới(dùng cho các frame nằm ngang): MARGINHEIGHT="number"

number là độ dày của viền tính theo pixe

-Đặt chức năng cuộn cho frame:

Muốn cho frame có thể cuộn đặt : SCROLLING="YES"

Muốn cho frame không thể cuộn đặt : SCROLLING="NO"

-Đặt liên kết giữa các frame:

Bạn có thể khiến cho 1 frame chứa các mục , khi ta ấn vào 1 mục thì nội dung của mục đó hiển thị ở frame

kia (giống như trang ktlehoan.com) như sau:

<A HREF="page1.htm" TARGET="windows\_name">Link\_text</A>

Như vậy khi bạn ấn vào dòng chữ Link\_text ở frame thứ nhất thì nội dung của trang page1.htm sẽ hiển thị tại frame thứ 2 .

## HOẶC

### Chương 1: HTML cơ bản

- HTML là chữ viết tắt của Hyper Text Markup Language (Ngôn ngữ hiển thị siêu văn bản).

- Một file HTML là một file text bao gồm những tag nhỏ

- Những tag hiển thị nói cho trình duyệt biết nó phải hiển thị trang đó như thế nào

- Một file HTML phải có phần mở rộng là .htm hoặc .html

- Một file HTML có thể được tạo bởi một trình soạn thảo đơn giản.

**Bạn có muốn thử không?**

Nếu bạn sử dụng Window hãy mở Notepad, nếu bạn sử dụng Mac mở ứng dụng Simple Text. Với OSX bạn mở TextEdit và thay đổi lựa chọn sau: Select (trong cửa sổ preference) > Plain Text thay vì Rich Text và chọn "Ignore rich text commands in HTML files". Việc này rất quan trọng bởi vì nếu bạn không làm vậy thì code HTML có thể không đúng.

Sau đó bạn gõ vào những dòng sau:

```
<html>
<head>
<title>Viet Photoshop</title>
</head>
<body>
www.vietphotoshop.com and www.bantayden.com. <b>Photoshop and web design resources
</b>
</body>
</html>
```

Lưu file lại với tên là "mypage.htm" vào desktop cũng được. Sau đó bạn đóng trình soạn thảo Notepad hoặc Simple Text lại và tìm đến file mypage.htm ở desktop rồi nhấp đúp vào trình duyệt sẽ hiển thị nội dung của trang.

**Giải thích ví dụ trên:**

Thẻ đầu tiên trong tài liệu HTML là <html>. Thẻ này nói cho trình duyệt biết đây là điểm khởi đầu của một tài liệu HTML. Thẻ cuối cùng của tài liệu là </html>, thẻ này nói cho trình duyệt biết đây là điểm kết thúc của văn bản.

Đoạn chữ nằm giữa hai thẻ <head> và </head> là thông tin của header. Thông tin header sẽ không được hiển thị trên cửa sổ trình duyệt.

Đoạn chữ nằm giữa cặp thẻ <title> là tiêu đề của văn bản. Dòng tiêu đề này sẽ xuất hiện ở thanh trạng thái của trình duyệt web.

Đoạn chữ nằm giữa hai thẻ <body> là những gì nó sẽ thể hiện trên trình duyệt của bạn.

Đoạn chữ nằm giữa hai thẻ <b> và </b> sẽ xuất hiện dưới dạng đậm

### **Phần mở rộng là HTM hay HTML?**

Khi bạn lưu một văn bản dưới dạng HTML, bạn có thể sử dụng cả hai dạng là .htm và .html. Chúng ta đã sử dụng dạng .htm trong ví dụ trên. Lý do này bắt nguồn từ nguyên nhân ngày trước là có những phần mềm chỉ cho phép phần mở rộng có tối đa là 3 chữ cái. Với những phần mềm mới hiện nay chúng ta nghĩ sẽ tốt hơn nếu bạn lưu lại với phần mở rộng là .html

*Một chú ý khi sử dụng trình soạn thảo HTML:*

Bạn có thể dễ dàng chỉnh sửa một tài liệu HTML bằng cách sử dụng WYSIWYG (what you see is what you get = thấy gì có đó) như là Frontpage, Claris Homepage, Dream weaver hoặc Adobe PageMill thay vì bạn phải tự viết những cặp thẻ từ đầu đến cuối. Nhưng nếu bạn muốn trở thành một web master đầy kỹ thuật, tôi khuyên bạn nên sử dụng những trình soạn thảo text đơn giản để học và làm quen với cấu trúc câu lệnh của HTML.

### **Những câu hỏi thường gặp**

**Q:** Sau khi tôi đã chỉnh sửa một file HTML, nhưng tôi không thể xem được kết quả ở trình duyệt. Tại sao vậy?

**A:** Bạn phải chắc rằng bạn đã lưu file đó với phần mở rộng là .htm hoặc .html, như ở ví dụ trên là mypage.htm.

**Q:** Tôi đã thử chỉnh sửa file HTML của tôi nhưng lại không thấy thay đổi gì ở trình duyệt cả. Tại sao vậy?

**A:** Trình duyệt tự động cach trang của bạn do đó nó không phải đọc cùng một trang hai lần. Khi bạn thay đổi gì đó ở một trang, trình duyệt nó không thể nhận ra được những thay đổi đó. Sử dụng nút refresh hoặc reload của trình duyệt để bắt nó đọc lại những thay đổi bạn tạo ra.

**Q:** Tôi nên sử dụng trình duyệt nào?

**A:** Bạn có thể thực tập tất cả những bài thực hành trong phần này với những trình duyệt thông dụng như Internet Explorer, Mozilla, Netscape hoặc Opera. Tuy nhiên, một vài ví dụ trong phần nâng cao đòi hỏi bạn phải có phiên bản mới nhất của trình duyệt.

**Q:** Tôi bắt buộc phải sử dụng Window sao? còn Mac thì sao?

**A:** Bạn có thể thực tập tất cả những bài thực hành trong phần này với hệ điều hành không phải là Windows như Mac. Tuy nhiên một vài ví dụ trong phần nâng cao đòi hỏi bạn phải có phiên bản mới hơn của Windows, như là Window98 hoặc Windows 2000.

## Thành phần của HTML

### Các dạng thẻ HTML

- Thẻ HTML dùng để viết lên những thành tố HTML
- Thẻ HTML được bao quanh bởi hai dấu lớn hơn < và > nhỏ hơn.
- Những thẻ HTML thường có một cặp giống như <b> và </b>
- Thẻ thứ nhất là thẻ mở đầu và thẻ thứ hai là thẻ kết thúc.
- Dòng chữ ở giữa hai thẻ bắt đầu và kết thúc là nội dung.
- Những thẻ HTML không phân biệt in hoa và viết thường, ví dụ dạng <b> và <B> đều như nhau,

### Thành phần HTML

Nhớ lại ví dụ ở trên của chúng ta về HTML

```
<html>
<head>
<title>Viet Photoshop</title>
</head>
<body>
www.vietphotoshop.com and www.bantayden.com. <b>Photoshop and web design resources
</b>
</body>
</html>
```

<b>Photoshop and web design resources </b>

Thành phần của HTML bắt đầu với thẻ: <b>

Nội dung của nó là: *Photoshop and web design resources*

Thành phần của HTML kết thúc với thẻ: </b>

Mục đích của thẻ <b> là để xác định một thành phần của HTML phải được thể hiện dưới dạng **in đậm**

Đây cũng là một thành phần của HTML:

```
<body>
www.vietphotoshop.com and www.bantayden.com. <b>Photoshop and web design resources
```



```
</b>  
</body>
```

Phần này bắt đầu bằng thẻ bắt đầu <body> và kết thúc bằng thẻ kết thúc </body>. Mục đích của thẻ <body> là xác định thành phần của HTML bao gồm nội dung của tài liệu.

### Các thuộc tính của thẻ HTML

Những thẻ HTML đều có những thuộc tính riêng. Những thuộc tính này cung cấp thông tin về thành phần HTML của trang web. Tag này xác định thành phần thân của trang HTML: <body>. Với một thuộc tính thêm vào là bgcolor, bạn có thể báo cho trình duyệt biết rằng màu nền của trang này là màu đỏ, giống như sau: <body bgcolor="red"> hoặc <body bgcolor="#E6E6E6"> (#E6E6E6 là giá trị hex của màu)

Thẻ này sẽ xác định dạng bảng HTML:<table> với một thuộc tính đường viền (border), bạn có thể báo cho trình duyệt biết rằng bảng sẽ không có đường viền: <table border="0">

Thuộc tính luôn luôn đi kèm một cặp như name/value: name="value" (tên="giá trị")  
thuộc tính luôn luôn được thêm vào thẻ mở đầu của thành phần HTML.

### Dấu ngoặc kép, "red" hoặc 'red'

Giá trị thuộc tính nên được đặt trong dấu trích dẫn " và ". Kiểu ngoặc kép như vậy thì phổ biến hơn, tuy nhiên kiểu đơn như ' và ' cũng có thể được dùng. Ví dụ trong một vài trường hợp đặc biệt hiếm, ví dụ như giá trị thuộc tính đã mang dấu ngoặc kép rồi, thì việc sử dụng ngoặc đơn là cần thiết. Ví dụ

```
name='ban"tay"den'
```

### Cơ bản về các thẻ HTML

Những thẻ quan trọng nhất trong HTML là những thẻ xác định Heading, đoạn văn và xuống dòng.

### Headings

Headings được định dạng với hai thẻ <h1> đến <h6>. <h1> xác định heading lớn nhất. <h6> xác định heading nhỏ nhất

```
<h1>Đây là heading</h1>  
<h2>Đây là heading</h2>
```

```
<h3>Đây là heading</h3>
<h4>Đây là heading</h4>
<h5>Đây là heading</h5>
<h6>Đây là heading</h6>
```

HTML sẽ tự động thêm một dòng trắng trước và sau mỗi heading.

### Đoạn văn - paragraphs

Paragraphs được định dạng bởi thẻ <p>.

```
<p>Đây là đoạn văn</p>
<p>Đây là một đoạn văn khác</p>
```

HTML sẽ tự động thêm một dòng trắng trước và sau mỗi heading.

### Line Breaks - xuống dòng

Thẻ <br> được sử dụng khi bạn muốn kết thúc một dòng nhưng lại không muốn bắt đầu một đoạn văn khác. Thẻ <br> sẽ tạo ra một lần xuống dòng khi bạn viết nó.

```
<p>Đây <br> là một đo<br>ạn văn với thẻ xuống hàng</p>
```

Thẻ <br> là một thẻ trống, nó không cần thẻ đóng dạng </br>

### Lời chú thích trong HTML

Thẻ chú thích được sử dụng để thêm lời chú thích trong mã nguồn của HTML. Một dòng chú thích sẽ được bỏ qua bởi trình duyệt. Bạn có thể sử dụng chú thích để giải thích về code của bạn, để sau này bạn có phải quay lại chỉnh sửa gì thì cũng dễ nhớ hơn.

```
<!-- Chú thích ở trong này -->
```

Bạn cần một dấu chấm than ! ngay sau dấu nhỏ hơn nhưng không cần ở dấu lớn hơn.

### Những thẻ HTML cơ bản

Tag	Mô Tả
-----	-------

<html>	Xác định một văn bản dạng HTML
<body>	Xác định phần thân của tài liệu
<h1> to <h6>	Xác định header từ 1 đến 6
<p>	Xác định một đoạn văn
 	Chèn một dòng trắng
<hr>	Xác định một đường thẳng
<!-->	Xác định vùng chú thích

## Một vài ví dụ

### [Các dạng của đoạn văn bản](#)

Ví dụ này giải thích thêm về vài thuộc tính của đoạn văn bản.

### [Line breaks](#)

Ví dụ này giải thích về cách sử dụng thẻ xuống hàng

### [Vấn đề với căn chỉnh dạng bài thơ](#)

Ví dụ này cho bạn thấy một vài vấn đề về căn chỉnh của HTML

### [Headings](#)

### [Heading căn lề giữa](#)

### [Đường thẳng ngang](#)

### [Lời chú thích ẩn](#)

Ví dụ này giải thích cách thêm một đoạn chú thích vào mã nguồn của HTML

### [Màu nền](#)

## Định dạng chữ bằng HTML

HTML có thể dùng để định dạng văn bản như ta làm với Word như **đậm**, *ngiêng* hoặc gạch chân

Dưới đây là một vài ví dụ bạn có thể tự mình thử.

### Một vài ví dụ

#### [Text formatting](#)

#### [Preformatted text](#)

Ví dụ này giải thích cách nào bạn có thể điều khiển xuống hàng và khoảng trống với Pre tag.

#### ["Computer output" tags](#)

#### [Địa chỉ](#)

Ví dụ này hướng dẫn bạn cách tạo một địa chỉ trong HTML

#### [Chữ viết tắt](#)

Ví dụ này hướng dẫn bạn cách sử dụng kiểu viết tắt.

#### [Hướng chữ](#)

#### [Trích dẫn](#)

#### [Chữ bị gạch ngang và chữ chèn](#)

### Muốn View source thì làm như thế nào?

Nếu bạn muốn xem mã nguồn của một trang web bạn chỉ cần nhấp chuột phải > View Source là bạn có thể xem được cấu trúc của trang đó như thế nào.

## Những thẻ dùng để định dạng văn bản

Tag	Mô Tả
<a href="#"><u>&lt;b&gt;</u></a>	Định dạng chữ <b>đậm</b>
<a href="#"><u>&lt;big&gt;</u></a>	Định dạng chữ lớn
<a href="#"><u>&lt;em&gt;</u></a>	Định dạng kiểu chữ được nhấn mạnh
<a href="#"><u>&lt;i&gt;</u></a>	Chữ in <i>ngiên</i>
<a href="#"><u>&lt;small&gt;</u></a>	Chữ nhỏ
<a href="#"><u>&lt;strong&gt;</u></a>	Chữ đậm
<a href="#"><u>&lt;sub&gt;</u></a>	định dạng subscripted (chữ nhỏ)
<a href="#"><u>&lt;sup&gt;</u></a>	Định dạng superscripted (chữ lên cao)
<a href="#"><u>&lt;ins&gt;</u></a>	Dạng chữ mới chèn thêm
<a href="#"><u>&lt;del&gt;</u></a>	Dạng chữ bị xóa
<a href="#"><u>&lt;s&gt;</u></a>	Hết hỗ trợ. Thay bằng <del>
<a href="#"><u>&lt;strike&gt;</u></a>	Hết hỗ trợ. Thay bằng <del>
<a href="#"><u>&lt;u&gt;</u></a>	Gạch dưới

## "Computer Output" Tags

Tag	Mô Tả
<a href="#"><u>&lt;code&gt;</u></a>	Định dạng code
<a href="#"><u>&lt;kbd&gt;</u></a>	Kiểu keyboard text
<a href="#"><u>&lt;samp&gt;</u></a>	Kiểu sample computer code
<a href="#"><u>&lt;tt&gt;</u></a>	Kiểu teletype text
<a href="#"><u>&lt;var&gt;</u></a>	Kiểu a variable
<a href="#"><u>&lt;pre&gt;</u></a>	Kiểu preformatted text
<listing>	Hết hỗ trợ. Dùng<pre> thay thế
<plaintext>	Hết hỗ trợ. Dùng<pre> thay thế

<xmp>	Hết hỗ trợ. Dùng<pre> thay thế
<b>Thẻ Citations, Quotations, và Definition</b>	
Tag	Mô Tả
<a href="#">&lt;abbr&gt;</a>	Kiểu tóm tắt
<a href="#">&lt;acronym&gt;</a>	Kiểu viết tắt
<a href="#">&lt;address&gt;</a>	Kiểu địa chỉ
<a href="#">&lt;bdo&gt;</a>	Kiểu chữ định hướng
<a href="#">&lt;blockquote&gt;</a>	Kiểu trích dẫn dài
<a href="#">&lt;q&gt;</a>	Kiểu trích dẫn ngắn
<a href="#">&lt;cite&gt;</a>	1 kiểu trích dẫn khác
<a href="#">&lt;dfn&gt;</a>	Kiểu định nghĩa

### Các ký tự đặc biệt trong HTML

Một vài ký tự tương tự như dấu nhỏ hơn <, có một ý nghĩa đặc biệt trong HTML, và do đó không thể được sử dụng như là chữ được. Do vậy để hiển thị được dấu nhỏ hơn < trong HTML chúng ta phải sử dụng những ký tự đặc biệt. Bởi vì dấu < xác định điểm bắt đầu của một thẻ HTML. Nên nếu bạn muốn trình duyệt hiển thị ký tự đó bạn phải thêm và code của nó những ký tự đặc biệt.

Một ký tự đặc biệt có 3 phần: Ký hiệu (&), tên của ký tự hoặc một dấu # và một dãy số và cuối cùng là dấu chấm phẩy ;

Để hiển thị được dấu nhỏ hơn trong HTML bạn phải viết là &lt; hoặc &#60;

Cái hay của việc sử dụng tên thay vì sử dụng số là vì tên của nó thì dễ nhớ hơn nhiều. Nhưng cái dở lại là không phải trình duyệt nào cũng hỗ trợ những tên mới này, trong khi đó hầu hết các trình duyệt đều có thể nhận ra nó ở dạng số.

Bạn nên chú ý rằng ký tự đặc biệt phân biệt chữ hoa và chữ thường. Ví dụ sau đây sẽ giúp bạn thực nghiệm với những ký tự đặc biệt. Lưu ý bạn rằng những ký tự này chỉ có trong trình duyệt Internet Explorer.

[Xem ví dụ](#)

### Non-breaking space

Ký tự được dùng nhiều nhất trong HTML có lẽ là nbsp (non-breaking space)

Thường thì HTML cắt bớt khoảng trống trong chữ của bạn. Ví dụ nếu bạn viết 10 chỗ trống trong text của bạn thì HTML sẽ loại bỏ 9 trong số đó. Để thêm khoảng trống vào chữ của bạn, bạn phải sử dụng ký tự đặc biệt là &nbsp;

#### Những ký tự được dùng thường xuyên nhất

Kết quả	Loại	Tên của ký tự	Số
	một khoảng trắng	&nbsp;	&#160;
<	nhỏ hơn	&lt;	&#60;
>	lớn hơn	&gt;	&#62;
&	dấu và	&amp;	&#38;
"	ngoặc kép	&quot;	&#34;
'	ngoặc đơn	&apos; (does not work in IE)	&#39;

#### Một vài ký tự khác

Kết quả	Loại	Tên của ký tự	Số
¢	cent	&cent;	&#162;
£	pound	&pound;	&#163;
¥	yen	&yen;	&#165;

§	section	&sect;	&#167;
©	copyright	&copy;	&#169;
®	registered trademark	&reg;	&#174;
×	nhân	&times;	&#215;
÷	chia	&divide;	&#247;

## Liên kết HTML

HTML sử dụng siêu liên kết để liên kết những tài liệu khác nhau trên trang web.

Ví dụ:

### [Tạo đường siêu liên kết](#)

Ví dụ này chỉ cho bạn cách tạo siêu liên kết như thế nào

### [Một tấm hình như là đường link](#)

Ví dụ này hướng dẫn bạn cách dùng hình làm đường liên kết.

## Thẻ Anchor và thuộc tính Href

HTML sử dụng thẻ <a> (anchor) để tạo đường liên kết đến một tài liệu khác.

Thẻ anchor có thể liên kết đến bất cứ một tài nguyên nào trên internet, chúng có thể là một trang HTML, một tấm hình, một file nhạc, một bộ phim .v.v.

## Cú pháp để tạo một thẻ anchor

```
<a href="url">Chữ bạn muốn ở đây</a>
```

Thẻ <a> được sử dụng để tạo một điểm neo và liên kết bắt đầu từ đó, thuộc tính href được sử dụng để chỉ ra tài liệu sẽ được liên kết đến, và chữ ở xuất hiện ở giữa hai tag < và > sẽ được hiển thị dưới dạng siêu liên kết.

Điểm neo sau xác định liên kết đến diễn đàn của vietphotoshop.com



```
<a href="http://www.vietphotoshop.com/forum">Mời bạn vào diễn đàn của VPTS</a>
```

Dòng code ở trên sẽ xuất hiện như sau trong trình duyệt.

Mời bạn vào diễn đàn của VPTS

### **Thuộc tính đích đến:**

Với thuộc tính đích đến, bạn có thể xác định liên kết đến tài liệu khác sẽ được mở ra ở đâu. Dòng code dưới đây sẽ mở tài liệu được liên kết trong một cửa sổ trình duyệt mới.

```
<a href="http://www.vietphotoshop.com/forum"target="_blank">Mời bạn vào diễn đàn của VPTS</a>
```

### **Thẻ anchor và thuộc tính tên**

Thuộc tính tên được sử dụng để tạo một điểm neo đã được đặt tên. Khi sử dụng điểm neo đã được đặt tên trước chúng ta có thể tạo ra những đường liên kết mà người đọc có thể nhảy trực tiếp đến một phần cụ thể nào đó trên trang web, thay vì họ phải kéo xuống dưới để tìm thông tin. Một dạng như là bookmark vậy!

Dưới đây là cú pháp của điểm neo được đặt tên trước:

```
<a name="Tên">Chữ bạn muốn hiển thị ở đây</a>
```

Thuộc tính tên được sử dụng để tạo điểm neo. Tên của điểm neo có thể là bất cứ thứ gì bạn muốn.

Dòng code sau xác định điểm neo được đặt tên trước.